

Thi Hương thời Lê - Trịnh

Trịnh Thị Hà¹

¹ Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: trinhha3012@gmail.com

Nhận ngày 11 tháng 11 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 12 năm 2016.

Tóm tắt: Trải qua các triều đại Lý, Trần, Lê sơ, Mạc, Lê - Trịnh, Nguyễn, thể lệ và chế độ khoa cử Nho học Việt Nam ngày càng được hoàn thiện, đi vào điển chế. Thế kỷ XVII, XVIII tương ứng với thời trị vì của vua Lê chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Nguyễn ở Đàng Trong, bản thân triều đình Lê - Trịnh lại tồn tại song song mô hình vừa có vua, vừa có chúa. Thể chế chính trị khá đặc biệt này đòi hỏi các chính quyền phải có chính sách khoa cử phù hợp để đào tạo được đội ngũ trí thức Nho học phục vụ trong bộ máy nhà nước. Vì vậy, triều đình Lê - Trịnh rất quan tâm đến việc thi cử, trong đó có kì thi Hương.

Từ khóa: Thi cử, khoa cử, thi Hương, thời Lê - Trịnh.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Under the successive rule of dynasties and regimes of Ly, Tran, Later Le (early period), Mac, Le - Trinh and Nguyen, the rules and regulations on the Confucian civil service examination in Vietnam were more and more improved, and clearly codified. The times include the 17th and 18th centuries when the rulers were the Le Kings and Trinh Lords in Dang Ngoai - the northern part of the country, which was divided into 2 by Gianh river, and the Nguyen Lords in Dang Trong - the southern part. The Le - Trinh court has its own political institutional characteristics in history with the existence of both the King and the Lord, which required the administrations to devise an appropriate policy on civil service examinations to find talents and train them into Confucian intelligentsia to serve in the State apparatus. That is why the court paid a high deal of attention to the examinations, including the regional exams.

Keywords: Examinations, civil service examinations, regional exams, the Le - Trinh period.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Thi Hương là kì thi đầu tiên, có vai trò rất quan trọng trong việc phân loại, tuyển chọn thí sinh có trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức tốt để tiếp tục tham dự vào kì thi sau. Hiểu được vai trò quan trọng này, mặc dù là kì thi do địa phương đứng ra tổ chức nhưng chính quyền Lê - Trịnh rất quan tâm. Bài viết phân tích các thể lệ thi cử trong kì thi Hương thời Lê - Trịnh.

2. Đối tượng dự thi

Mục đích cuối cùng của người theo nghiệp “đạo sách thánh hiền” là thi đỗ Tiến sĩ rồi ra làm quan. Để đạt được mục đích này, người đi học phải trải qua nhiều kì thi khác nhau với trình độ từ dễ đến khó, mở đầu là kì thi Hương. Khoa thi Hương đầu tiên được tổ chức năm 1373 dưới thời Trần, tuy nhiên thể thức tổ chức khoa thi này chưa rõ ràng. Phải đến năm 1396 thể lệ khoa cử với 3 kì (thi Hương, thi Hội, thi Đình) mới được định hình và phân biệt cụ thể. Theo định lệ năm 1396 thì: “Cứ năm trước thi Hương, năm sau thi Hội, ai đỗ thi Hội nhà vua ra thi một đề văn sách để định thứ tự” [1, tr.11].

Trên cơ sở kế thừa lệ “bảo kết” trong thi Hương của vua Lê Thánh Tông (ban hành năm 1462, quy định một cách cụ thể về các đối tượng được tham dự hoặc không được tham dự kì thi Hương), lệ “đoan bảo” của vua Lê Hiến Tông (đặt năm 1501) và bổ sung thêm một số quy định mới, triều đình Lê - Trịnh đã quy định một cách cụ thể về đối tượng được tham dự kì thi Hương như sau:

Về lý lịch và đạo đức: người tham dự thi Hương phải là con nhà lương thiện, nếu là con cháu nhà phường chèo, con hát² và

những kẻ phản nghịch, ngụy quan có tiếng xấu thì không được dự thi. Đồng thời thí sinh dự kì thi Hương phải là những người có nhân cách, phẩm chất tốt, không thuộc loại bất hiếu, bất mục, bất nghĩa, điều toa... Trước kì thi thí sinh phải nộp giấy “thông thân cước sắc” (lý lịch), khai rõ phủ, huyện, xã, tuổi tác cùng là chuyên học kinh nào, lý lịch của ông cha, không được gian dối giả mạo.

Về học vấn và năng lực: người dự thi phải làm được thể văn Tứ trường, phải là những người vượt qua kì thi khảo hạch trước đó tại địa phương mình³.

Về độ tuổi: chỉ những ai đã đủ 18 tuổi trở lên mới được đi thi. Tuy nhiên, nếu người dự thi chưa đủ 18 tuổi nhưng có học lực khá thì cũng được khai tên và phải khai số đệ lên quan huyện, châu để khảo xét, không giới hạn tuổi tối đa. Thậm chí đến năm 1722, chúa Trịnh Cương (1709-1729) đã cho phép những quân nhân nếu có học lực mà gặp kì thi có thể đăng ký để dự thi, điều đó thể hiện sự quan tâm đặc biệt của chính quyền nhà nước tới việc mở rộng chính sách cầu hiền.

3. Địa điểm, thời gian thi

Thi Hương diễn ra tại các địa phương, không do triều đình đứng ra tổ chức, do vậy địa điểm thi (trường thi) không được dựng sẵn mà thường trước khi chuẩn bị khoa thi, quan sở tại mới cho xây dựng. Các trường thi được xây dựng trên những khu đất trống hoặc trên một cánh đồng đã được thu hoạch, vật liệu xây dựng rất đơn giản, chủ yếu được làm bằng tre và nứa. Kiến trúc của trường thi được chia thành 3 khu vực: trong cùng là khu vực chấm thi, khu giữa dùng làm nơi các quan họp hành chính và

ngoài cùng là khu vực thi. Khu vực thi là một bãi trống để thí sinh làm lều thi, được chia làm 4 khu (tức 4 vị). Trần Văn Giáp (trong *Lược khảo về khoa cử Việt Nam: từ khởi thủy đến khoa Mậu Ngọ, 1918*) cho rằng: “Bốn phía ngoài cùng trường thi thì rào tre nửa thật kín, trong trường chia làm bốn lớp: lớp thứ nhất ở trong cùng là nơi ở của các quan Đồng khảo, Phúc khảo cùng Giám khảo; lớp giữa là nơi ở các quan Đề điệu, Giám thí cùng các quan dự vào việc thi và đều có rào phen tre thật kín. Hai lớp ngoài là chỗ cho học trò vào thi, lớp nọ cách lớp kia chỉ bằng cái rào nửa thưa, giữa có hai con đường thành hình chữ thập, có một cái nhà tre ở giữa để làm nơi thu quyển gọi là nhà Thập đạo” [5, tr.18].

Nhà nước không chu cấp kinh phí cho các địa phương dựng trường thi Hương, mà phân bổ cho các địa phương sở tại có tổ chức thi đóng góp tiền, gạo, đồ vật (gồm giường, chiếu, đèn dầu...) để làm kinh phí dựng trường [1]. Mức thu nhiều ít có khác nhau tùy theo xã lớn, xã nhỏ. Theo định lệ mức đóng góp năm Vĩnh Trị 3 (1678) thì xứ Thanh Hóa, Nghệ An cùng vùng Tứ trấn (gồm Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương) phải thu mỗi xã phường sách lớn 2 quan tiền quý, 65 bát gạo, xã phường sách trung 1 quan 5 tiền quý, 50 bát gạo, xã phường sách nhỏ 1 quan tiền quý, 35 bát gạo mỗi bát là 6 cấp (tương ứng 1/100 của đấu); còn các xứ phiên trấn thì phải thu mỗi xã lớn 1 quan tiền gián, 20 bát gạo, mỗi xã sách trung 8 tiền gián, 15 bát gạo, mỗi xã sách nhỏ 6 tiền gián, 10 bát gạo, mỗi bát 6 cấp [1, tr.39]. Về đồ vật cung đốn phục vụ trường thi bao gồm nhiều loại với số lượng khác nhau, cụ thể: giường 6 cái; chiếu đan bằng nửa 6 cái; hòm 6 cái; chiếu cói tốt 6 đôi; bàn, dầu mỗi đêm 2 chĩnh vừa 5 bát;

bát đèn đủ dùng; cây đèn 10 cái; đĩa đèn 10 cái; chiếu cói thường 5 đôi; son một sọt; bát 10 đôi; giấy rộng 1.000 tờ; nồi nấu hồ 5 cái; rá to 10 cái; rom cỏ đủ dùng; biễn gỗ 5 cái; 1 cái chiêng, sách vở các tập [1, tr.44].

Về thời gian thi, theo thông lệ từ thời Hồng Đức, thí sinh dự thi Hương phải trải qua bốn kì thi (còn gọi trường thi) nếu thí sinh đỗ kì một mới được vào thi kì hai, cứ như thế vào kì ba, kì bốn, với bốn bài thi khác nhau. Trong buổi đầu Trung hưng, mặc dù triều đình Lê - Trịnh vẫn tiến hành mở các khoa thi Hương nhưng vì bận chiến tranh với dòng họ Nguyễn ở Đàng Trong (1645-1672) nên nhà nước chưa có quy định cụ thể về thời gian tổ chức thi Hương. Vào năm Vĩnh Trị thứ 3 (1678), khi ban hành “điều lệ thi Hương” gồm 16 điều, nhà nước đồng thời quy định ngày thi Hương một cách cụ thể. Theo đó: thi Hương tổ chức vào tháng 8 của năm; ngày 8, tháng 8 thi trường nhất; ngày 18 tháng 8 thi trường nhì; ngày 24 tháng 8 thi trường ba; ngày 28 tháng 8 thi trường tư. Quy định này áp dụng cho các xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương. Các xứ này phải theo đúng nhật kỳ ấy. Các xứ còn lại như phủ Phụng Thiên, các xứ Thái Nguyên, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Yên Quảng, Quảng Nam, Thuận Hóa thì không bắt buộc. Tuy nhiên, không phải lúc nào nhà Lê - Trịnh cũng tổ chức kì thi Hương theo đúng định lệ vào tháng 8 và theo trình tự các ngày như trên vì có những năm trong nước xảy ra biến loạn hoặc thiên tai nên khoa thi phải hoãn lại (kì thi có khi được tổ chức vào thời gian khác của năm, chủ yếu vào tháng 10 như các khoa thi năm: 1696, 1711, 1747, 1750, 1759, 1765, 1768, 1772, 1779, 1783).

4. Quan trường, trường quy

Dưới thời quân chủ, hệ thống chức quan phụ trách thi cử nói chung, thi Hương nói riêng gọi là quan trường, gồm hai ban: một ban gồm các quan chấm quyền thi, một ban gồm các quan trông nom việc thi.

Chức Đề điệu và Giám thí [1] là hai chức quan trông coi toàn bộ công việc của kì thi (gồm cả việc chỉ huy các công việc về an ninh, theo dõi giám sát thực hiện các quy chế trong khi thi, giám sát việc chấm thi), mỗi chức đều dùng 1 người, thường dùng trọng thần quan văn. Theo quy định năm 1678, phủ Phụng Thiên: viên Đề điệu và Giám thí dùng một viên Đô cấp sự trung (có hàm Chánh thất phẩm). Các xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương dùng quan văn trọng chức ở xứ để làm. Xứ Thái Nguyên, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Yên Quảng, Thuận Hóa, Quảng Nam dùng các quan hai ty Thừa chính và Hiến sát.

Chức Giám khảo và Đồng khảo là các chức quan tham gia chấm bài thi. Hai chức quan này giữ vai trò quan trọng nhất, họ là những người trực tiếp đọc bài thi, cân nhắc lựa chọn những bài thi tốt, những thí sinh có năng lực để tiếp tục tham gia kì thi Hội. Do vậy, việc lựa chọn quan lại bổ dụng vào chức Giám khảo và Đồng khảo cũng rất được coi trọng, họ phải là những vị quan uyên thâm về trình độ và thông thường các trọng thần ban văn mới được đảm nhận chức vụ này, theo đó chức Giám khảo dùng viên chức trong Viện Hàn lâm (gồm các chức Thừa chỉ, Thị độc, Thị giảng, Trực học sĩ...) và khoa đạo. Chức Đồng khảo dùng các chức Đoán sự, Lang trung, Viên ngoại, Tri phủ, Giáo thụ, Học chính, Tri huyện, Tri châu và bổ sung thêm các viên Huấn đạo, Cai bạ đã từng thi Hội trúng

được ba kì, có văn chương, danh dự và đức vọng.

Chức Phúc khảo thường dùng ba viên quan chuyên làm nhiệm vụ kiểm tra lại việc chấm bài của Giám khảo và Đồng khảo, các quan đảm nhận chức vụ này có chức vụ tương đương hoặc hơn cả quan Giám khảo và Đồng khảo.

Chức Di phong và Soạn tự hiệu thường dùng các viên Tá nhị⁴ ở các phủ, huyện châu trong xứ ấy, người nào thanh liêm, công bằng mới được đảm nhận. Trong đó, Di phong là viên quan chuyên giữ việc dán kín tên ở quyền thi để người chấm không biết quyền thi của ai. Soạn Tự hiệu là chức quan giữ việc biên số hiệu vào các quyền thi.

Đăng lục (dưới thời Lê sơ gọi là chức Đăng tả) là chức quan làm nhiệm vụ chép lại bài thi của thí sinh, để đem bài chép lại đi chấm, bài chính thì cất đi. Đối độc là chức quan đọc duyệt xem bản chép lại có đúng nguyên văn không. Hai chức quan này thường lấy các lại viên đã thi đỗ khoa thư toán, quê ở xứ khác trường thi.

Đối với ban chức quan an ninh, triều đình Lê - Trịnh cũng quy định khá cụ thể việc cắt cử quan viên đảm trách việc canh gác, đảm bảo an ninh, trật tự để thi Hương diễn ra nghiêm túc. Trong đó, đối với các trường thi tại Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc và phủ Phụng Thiên, triều đình quy định mỗi trường cho đặt chức Tuần xước. Chức này được lấy từ một viên quan võ để đốc suất quân lính ngày đêm canh gác, giữ gìn trật tự an ninh trong kì thi. Còn với các trường ở phiên trấn xa xôi thì do các quan Đô ty bắt dân thủ lệ trong hạt canh gác ngoài trường.

Như vậy, trong chính sách xếp đặt quan trường tham gia tổ chức, giám sát và chấm điểm kì thi Hương, triều đình Lê - Trịnh đã

có sự phân ban, phân bổ trách nhiệm rất cụ thể nhưng cũng khá linh hoạt cho từng địa phương. Trong đó, đối với những trường thi gần Kinh đô, nơi có người học và tham gia thi rất đông như phủ Phụng Thiên, vùng Tứ trấn, xứ Thanh Hóa, Nghệ An, quan trường đều là những trọng thần, giữ chức vụ cao gồm cả triều đình và địa phương tham gia tổ chức, giám sát, chấm bài. Trong khi đó ở các vùng biên viễn như Thái Nguyên, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Yên Quảng, Quảng Nam, Thuận Hóa, do những nơi này trình độ học vấn chưa phát triển, ít người dự thi nên chủ yếu sử dụng các quan sở tại đảm trách việc trông thi. Sự linh hoạt này đã phần nào thể hiện sự khôn khéo của triều đình Lê - Trịnh trong chính sách khuyến khích, khích lệ việc học, việc thi cử của người dân nơi đây nhằm đào tạo, tuyển chọn được đội ngũ quan lại có trình độ sẽ tham gia xây dựng, và bảo vệ cương vực lãnh thổ tại vùng biên ải xa xôi.

Trường quy yêu cầu đối với thí sinh: Khi tham gia thi Hương, ngoài đáp ứng đầy đủ điều kiện lý lịch, đạo đức và học vấn theo đúng quy định, thí sinh “phải nộp tiền làm sổ thi với mức là 1 tiền quý và 1 bát gạo tại huyện châu và huyện quan và số tiền này lại được các quan chia nhau và không lấy thêm gì nữa” [1, tr.38]. Đồng thời, thí sinh phải tự sắm sửa đủ các đồ dùng tối thiểu để phục vụ cho việc thi như lều, chiếu, yên, chõng, tráp đựng bút, mực, dao, kéo và một cái ống gõ đeo ở cổ để đựng quyển thi gọi là ống quyển. Đến ngày thi, thí sinh phải tuân thủ một số quy định (trường quy) rất nghiêm ngặt, như phải ngồi đúng vị trí thi đã được sắp xếp, không được mang sách hoặc giấy viết sẵn vào trường thi, nếu khám thấy thì bị phạm tội “hoài hiệp văn tự” và bị cấm thi. Khi bắt đầu có hiệu lệnh vào thi, thí sinh phải đi lấy dấu “giáp phùng” ở trang 2

và 3 của quyển thi để ngăn chặn việc đổi phần dưới của quyển thi, đem quyển thi viết sẵn từ ngoài vào thay thế; thí sinh tự đi chép đề bài thi về làm bài và đến giữa buổi lấy dấu “nhật trung”.

Đối với bài thi của thí sinh, nhà nước cũng có quy định rất khắt khe như: khi viết bài, thí sinh có quyền viết chữ đề lên dấu “giáp phùng” nhưng không được viết đề lên dấu “nhật trung”. Xung quanh hai dấu này thí sinh không được xóa hoặc chữa, nếu không sẽ vi phạm lỗi “thiệt tích”. Đồng thời, trong bài viết của thí sinh không được vi phạm các lỗi: bạch tự (chữ đáng viết kép lại viết đơn), bất túc (viết không đủ số chữ quy định cho bài thi), duệ bạch (để giấy trắng), tù ố (dây bản), khiếm trang (tức là viết những chữ không có nghĩa đẹp đẽ mà có nghĩa xấu như bạo, sát, tối tăm, tàn bạo, giết... trên những chữ chỉ vua như hoàng thượng, quân vương...), khiếm tị (nghĩa là những chữ nói đến tên các điện, các lăng tẩm của vua thì phải tránh đi), khiếm đài (các chữ phải viết cao lên để tỏ sự kính trọng) [2, tr.86]. Đặc biệt, khi làm bài không được viết những chữ phạm húy, gồm: chữ trọng húy (tên vua) phải viết thành từng mảng ghép lại, chữ khuynh húy thì phải viết thiếu nét; nếu thí sinh phạm vào lỗi trọng húy thì bị tù đầy, đồng thời thầy giáo giảng dạy cũng bị liên lụy theo gồm bị phạt tù, hạ chức, hạ lương...

Thể thức văn phong viết bài phải trong sáng, gần thực tế, không dùng ngôn từ phù phiếm: “Thể cách làm văn phải hồn hậu, đầy đủ, nếu ý nghĩa nông nổi và hòa theo nhau thì nhất thiết đánh hỏng” [2, tr.16]. Chữ viết phải y như bản chính: “Những chữ thực, như chữ kinh truyện là lời cách ngôn của thánh hiền, nét chữ phải viết y như bản chính, nếu viết sai, đều cho là chữ không thành, còn các sách khác thì những chữ

đồng âm, nghĩa viết khác cũng được, không nên cho là chữ không thành” [1, tr.41].

Như vậy, khi tham dự thi Hương thí sinh phải tự chuẩn bị tất cả mọi thứ (từ chỗ ăn, chỗ nghỉ, đồ dùng đi thi, lều thi...) mà không có sự hỗ trợ từ địa phương hoặc của nhà nước. Trong khi thi, thí sinh phải tuân thủ một số trường quy rất nghiêm ngặt, từ quy định về chỗ ngồi, quy cách viết chữ, thể cách làm văn cùng những điều cấm trong trường thi (như không được mang tài liệu, không được thi thay người khác...); nếu ai vi phạm sẽ bị xử, đuổi ra trường thi hoặc không công nhận kết quả. Qua một số trường quy này có thể thấy, ngay từ kì thi Hương, chính quyền Lê - Trịnh đã rất quan tâm và đề cao việc đảm bảo cho kì thi diễn ra nghiêm túc, công bằng cho người dự thi nhằm lấy được những người có thực tài để tiếp tục tham dự kì thi tiếp sau. Tuy nhiên, một số trường quy rất khắt khe và vô lý (nhất là về chữ hý) đã làm cho nhiều thí sinh thực sự có tài năng nhưng vì vi phạm một lỗi nhỏ, nên suốt đời không thể tiến thân bằng con đường khoa cử được. Ví dụ, Tú Xương “tám khoa không khỏi phạm trường quy”.

Đối với các quan, triều đình Lê - Trịnh cũng có những quy định chặt chẽ nhằm ràng buộc hệ thống chức quan làm việc tại trường thi phải thực hiện đúng trách nhiệm của mình để tránh gian lận trong thi cử (như nghiêm túc giữ phép công, không được theo ý riêng, không được thông đồng trước để làm điều mờ ám trên quyền thi, người nào quê ở xứ có trường thi thì không được dự trông coi việc thi, nếu phát hiện sẽ bị trị tội). Thậm chí, năm 1717 nhà nước còn đề ra chính sách khuyến khích các quan viên, nho sinh tại các trường thi ở Thanh Hóa, Nghệ An và Tứ trấn: “nếu thấy trong các

nha môn ty Thừa chính, ty Hiến sát, trường phủ và trường huyện, hễ có kẻ nào đòi ăn tiền bao nhiêu thì cho phép làm đơn trình bày cặn kẽ để chúa xử tội, nhưng nếu là Nho sinh phát hiện mà không tố giác thì không những bị hủy kết quả mà còn bị luận tội” [6, tr.269]. Trong mỗi trường thi khi phát xong đề thi, quan thí viện (Đề điệu và Giám thí) ngồi trên chòi gác ở nhà Thập đạo cùng các quan giám sát để coi xét sĩ nhân làm bài nhằm phát hiện ai vi phạm trường quy. Các quan làm nhiệm vụ chấm thi (như Giám khảo, Đồng khảo, Phúc khảo, Di phong, Soạn tự hiệu, Đăng lục, Đối độc) phải ở riêng từng khu vực, trong quá trình thí sinh làm bài không được tự tiện đi lại chuyện trò, không được vì tình riêng mà thêm bớt nét chữ hoặc sao chép không đúng quyền thi của thí sinh... Nếu ai vi phạm thì bị xử tội. Đặc biệt “các viên Đăng lục, Đối độc phải sao cho đúng, đọc cho đúng như nguyên văn, và trên mỗi quyền thi phải chua rõ họ tên của người sao, hay người đọc, không được bỏ sót và thêm bớt thay đổi, làm sai thì xử tội” [1, tr. 53].

5. Cách thức ra đề thi, chấm thi, học vị và hạn ngạch lấy đỗ

Đến thời Lê - Trịnh, thí sinh dự kì thi Hương vẫn phải theo phép thi được quy định một cách chặt chẽ từ thời Hồng Đức. Thí sinh phải trải qua 4 kì thi (trường thi), nếu thí sinh đỗ kì một mới được vào thi kì hai, cứ như thế vào kì ba, rồi kì bốn, với bốn bài thi khác nhau.

Kì thứ nhất (nhất trường): thí sinh làm bài về Kinh nghĩa (bao gồm cả Kinh nghi, tức là những điều còn chưa thật rõ ràng trong Ngũ kinh và Tứ thư nghĩa).

Kì thứ hai (nhị trường): thí sinh thi thơ, phú, mỗi thứ 1 bài. Trong đó thơ làm theo thể Đường luật, phú cũng làm theo lối cổ thể (còn gọi là ly tao).

Kì thứ ba (tam trường): thí sinh làm bài về các văn bản hành chính thời phong kiến (gồm: chiếu, chế, biểu; mỗi loại một bài⁵).

Kì thứ tư (tứ trường): thí sinh làm bài về văn sách, đề tài rút ra từ các kinh sử hỏi về thời vụ (chỉ ý thức về việc giúp nước cứu đời).

Về cách thức ra đề, trong buổi đầu Trung hưng Đề điệu và Giám thí là chức quan có trách nhiệm biên soạn đề thi, thường các quan tự nghĩ ra đề bài trước, sau đó lựa chọn một trong số các đề thi có sẵn để làm đề thi. “Quan trường ra đề dùng Tứ thư, sử, tứ lục, độ hơn 10 bài, phú 5, 3 bài, đặt đề đặt sẵn, không có thay đổi” [1, tr.29]. Tuy nhiên, cách ra đề bài theo lối này dẫn tới hiện tượng làm bài sẵn để bán, người thi biết trước đề nhờ người khác làm hộ hoặc mang sách vở vào trường thi. Để chấm dứt cái “tệ tục” khoa trường này, đến khoa thi năm Tân Mão (1711), nhà nước cho định lại thể lệ thi Hương, yêu cầu quan trường phải thay đổi cách ra đề thi, theo đó “tùy ý ra đề, không được theo lối cũ nữa”. Từ năm 1720 trở đi, chúa Trịnh đã trực tiếp chỉ đạo việc ra đề cho khoa thi Hương. Chúa Trịnh Cương cho rằng, khoa quyết định là ở kì đệ tam và kì đệ tứ, nên đã sai văn thần ở trong phủ soạn đầu đề thi rồi cho chạy trạm, phân về các trường thi, gồm bốn trấn (Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc) và đặt làm lệ thường. Theo đó, tại bốn trấn này “Đề thi Hương phải được bàn thảo tại phủ Chúa và do Chúa Trịnh xét duyệt và quyết định cuối cùng, riêng hai xứ Thanh - Nghệ do xa xôi không theo lệ này” [7, tr.7].

Về cách chấm thi, dưới thời Lê - Trịnh, thể lệ chấm điểm quyền thi Hương chủ yếu theo lối “phân số”, còn gọi là cách chấm dùng thang điểm 4 bậc ưu, bình, thứ, liệt để phân hạng chất lượng bài thi. Nội dung của lối chấm thi này như sau: cứ mỗi kì thi chấm các bài đều đánh giá ưu, bình, thứ, liệt. Ai bị liệt là hỏng, ai đạt ưu bình thứ thì vào thi kì sau, hết kì thứ hai sang kì thứ ba. Đến kì thứ tư cũng chấm hoàn toàn như thế: ai đỗ kì thứ nhất thì được vào kì thứ hai, đỗ kì thứ hai vào kì thứ ba, đỗ kì thứ ba vào kì thứ tư. Sau đó các quan sẽ xem xét cụ thể các bài cùng loại ưu, hoặc cùng loại bình, cùng loại thứ rồi sắp xếp thứ tự người đỗ trong cùng một loại, từ đó xếp thứ tự chung số người đỗ của cả khoa thi. Với cách chấm này, nhà nước chỉ căn cứ vào kì thi thứ 4 để lấy đỗ và xếp loại đỗ, còn các kì trước chỉ là điều kiện để đi tới kì cuối cùng được đánh giá. Cách chấm này không đánh giá toàn diện tài năng của từng thí sinh trên tất cả nội dung các bài thi. Đến năm 1725, triều đình cho thi hành lối chấm điểm phân “tích” trong thi Hương, thi Hội với nội dung chia các quyền thi thành từng “tích” (thành nhóm) để khảo duyệt, mỗi “tích” gồm hai viên. Trong đó, “Các quan trường xét quyền rồi hội đồng với nhau để chấm, một người đọc, một người nghe, xét kỹ càng rồi mới định là lấy được hay không” [3, tr.74]. Việc thay đổi cách chấm này của chính quyền phong kiến nhằm mở rộng con đường cầu hiền tài, không bị thói quan trường làm bỏ sót, qua đó nhà nước cũng mong muốn những người chấm thi phải có thái độ, tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc của mình.

Trên cơ sở kết quả chấm thi, các trường thi sẽ lấy ngạch đỗ theo sự phân bổ của nhà

nước và ban cấp học vị cho người đỗ. Thông thường hạn ngạch lấy đỗ được quy định trước khi tổ chức khoa thi, nhưng cũng có khoa hạn ngạch lấy đỗ được tăng thêm sau khi đã có kết quả thi như năm 1711, 1726, 1783. Kết quả lấy đỗ của thi Hương phân theo hai loại, tương ứng với học vị: Hương cống và Sinh đồ. Trong đó, nếu đỗ bốn kì thi Hương được gọi là Hương cống, cũng còn gọi là trúng cách thi Hương (thời Nguyễn từ năm 1828 gọi là Cử nhân); đỗ ba kì được gọi là Sinh đồ (tương đương Tú tài thời Nguyễn) [2]; những người đỗ một kì, hai kì không có danh hiệu chính thức nào mà thường được gọi là trúng nhất trường, trúng nhị trường. Về tỷ lệ lấy đỗ theo nguyên tắc 1/10, có nghĩa là cứ lấy đỗ 10 Sinh đồ thì mới lấy đỗ 1 Hương cống.

Thi Hương là kì thi do các trường thi ở địa phương đứng ra tổ chức, nên việc ghi chép về cách thức tổ chức thi của các trường thi, số người đỗ trong mỗi khoa thi tại các trường thi thường không đầy đủ⁶. Chẳng hạn, trường thi Sơn Nam trước năm 1720 được lấy 60 Hương cống 600 Sinh đồ. Đến năm 1720 chúa Trịnh Cương cho Sơn Nam lấy thêm thành 80 Hương cống, 800 Sinh đồ, từ năm 1740 Sơn Nam tách thành hai trấn Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ, nhưng đến khoa thi năm 1768 số Hương cống cũng chỉ được tăng lên 100 Hương cống và 1.000 Sinh đồ. Tại trường thi phủ Phụng Thiên, trước năm 1726 chỉ được lấy đỗ 10 Hương cống, 100 Sinh đồ, đến năm 1726 triều đình cho lấy thêm lên 20 Hương cống và 150 Sinh đồ. Qua hai trường hợp trên có thể thấy rằng, so với đời Lê Thánh Tông [1, tr.17], trải qua thời gian gần ba trăm năm phát triển, dân số tăng lên, số người đi học ngày càng nhiều nhưng hạn

ngạch lấy đỗ dưới thời Lê - Trịnh lại giảm đi. Điều đó chứng tỏ xu thế tổ chức thi cử đã chặt chẽ hơn.

Mặc dù trong cùng một kì thi Hương nhưng quyền lợi những người đỗ trên cao hơn những đỗ dưới. Người đỗ Hương cống được hưởng một trong hai quyền lợi: vào học trường Quốc Tử giám chờ kì thi Hội hoặc bổ dụng chức quan (thường họ được bổ làm Lại điển các nha môn rồi lên chức Huyện thừa, Tri huyện). Riêng con quan tam phẩm trở lên (gọi là nhiệm tử) mà đỗ trúng thức kì thi Hương (Hương cống) sẽ được bổ Tự thừa, Tư vụ bộ Lại hay bộ Hộ, điển sử ty Thông chính [6, tr.45]. Những người đạt danh hiệu Sinh đồ tiếp tục về học tập tại trường phủ chờ khoa thi sau nhưng không được cấp lương, hoặc trở về quê mở trường dạy học, họ được miễn các loại tạp dịch và chỉ phải đóng một nửa tiền quý. Những người đỗ nhất trường, nhị trường được miễn binh dịch, lao dịch 1, 2 hoặc 3 năm tùy theo quy định của từng đời vua.

6. Kết luận

Mặc dù còn có một số hạn chế, nhưng kì thi Hương đã có vai trò quan trọng trong việc tuyển chọn những Hương cống có trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức để tham gia kì thi Hội. Nhiều người trong số họ đã thi đỗ Tiến sĩ trở thành bậc trí thức cao cấp của nhà nước, có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của quốc gia dân tộc (như Phạm Công Trứ, Nguyễn Quý Đức, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ...) Tuy nhiên, có khá nhiều các vị Hương cống lại lựa chọn không tham gia thi Hội, hoặc có những vị chỉ đỗ Sinh đồ về quê mở lớp dạy học. Nhưng với tài

năng và tâm huyết, các vị Hương cống, Sinh đồ này đã có công đào tạo biết bao thế hệ học trò tài giỏi.

Chú thích

² Đào Duy Từ vì là con nhà hát nên không được dự thi Hương. Duy Từ sinh năm Nhâm Thân (1572) tại làng Nỗ Giáp, nay thuộc xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Ông là người rất thông minh, năm 21 tuổi triều đình mở khoa thi, nhưng vì là con nhà hát xướng (cha là Đào Tá Hán làm Quản giáp, coi đội nữ nhạc thời Lê Anh Tông (1557-1573), mẹ ông cũng nghề hát nên ông không được dự thi Công cử. Sau đó ông trốn vào nam, phiêu bạt từ Quảng Bình đến Bình Định, ông cải trang giấu tung tích chăn trâu cho một phú hào ở thôn Tùng Châu, phủ Hoài Nhân (nay thuộc huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định), sau đó ông được chủ nhà mời làm thầy đồ dạy học cho con.

³ Trước khi tham dự kì thi Hương, các thí sinh phải trải qua một đợt kiểm tra tại địa phương về học vấn nhằm xác định những học trò có đủ trình độ tham dự kì thi Hương. Trình độ đó là phải am hiểu nội dung của Ngũ kinh, Tứ thư và biết làm văn thể 4 trường. Người đỗ khảo hạch không được ban học vị gì ngoài 2 quyền lợi là: được miễn không làm lao dịch, binh dịch (đi lính) và được tham dự kì thi Hương liền sau đó.

⁴ Tá nhị: chỉ những chức phó làm việc ở các nha.

⁵ Chê: là lời vua phong thưởng cho công thần; Chiếu: là lời vua truyền về một việc quan trọng của triều đình; Biểu: lời thần dân, quan chức chúc tụng hoặc tạ ơn vua.

⁶ Có 24 khoa thi Hương còn được ghi chép trong các tư liệu chính sử, đó là vào các năm: 1601, 1627, 1630, 1663, 1670, 1673, 1675, 1696, 1711, 1717, 1720, 1726, 1743, 1747, 1750, 1759, 1762, 1765, 1768, 1772, 1774, 1777, 1779, 1783.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Tiến Cường (1998), *Sự phát triển giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam thời phong kiến*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Cao Xuân Dục (1993), *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [4] *Đại Việt sử ký tục biên 1676-1789*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.
- [5] Trần Văn Giáp (1941), *Lược khảo về khoa cử Việt Nam: từ khởi thủy đến khoa Mậu Ngọ, 1918*, Hà Nội.
- [6] Ngô Cao Lãng (1995), *Lịch triều tạp ký*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] Phan Hữu Thịnh (2010), *Làng Quỳnh xưa học hành và khoa cử (khảo cứu)*, Nxb Nghệ An, Nghệ An.